TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày 18-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng; địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố H (theo Giấy ủy quyền lại số 041212.231 ngày 14/4/2023 của Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối Ngân hàng bán lẻ VIB - Ngân hàng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố H; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 29-10-2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng (sau đây viết tắt là VIB) đã ký với ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 158/HĐTD1-VIB32/12 ngày 07/5/2012 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 700.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cây cảnh các loại; Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ 06 tháng kể từ ngày 07/11/2012. Lãi suất vay: Ba tháng đầu áp dụng lãi suất 14%/năm, từ tháng thứ 04 lãi suất điều chỉnh theo chính sách của VIB và phù hợp với quy định của pháp luật. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc một lần vào ngày 07/5/2013, trả nợ lãi vào ngày mùng 1 hàng tháng.

Ngày 07/11/2012, VIB đã giải ngân cho ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L theo Khế ước nhận nợ số 158.02/KƯNN1-VIB 32/12 với số tiền 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD đã ký. Vì vậy, VIB đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 07/5/2013.

Tạm tính đến ngày 18/5/2023, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L còn nợ VIB số tiền là: 1.110.063.453 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn 84.745.955 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.025.317.498 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 57, tờ bản đồ số: 06, có địa chỉ tại: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 103910, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 00930/H/2006 do Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng cấp ngày 20/3/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Minh T và vợ là Nguyễn Thị L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 9535.CVN/2010.TCQSDĐ&TS, Quyển số: 06.AP-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 24/11/2010. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2020, ông T, bà L đã nộp hết nợ gốc của khoản vay và VIB đã giải chấp tài sản.

Nay để đảm bảo quyền và L ích hợp pháp của mình, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho VIB ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2023 là: 1.110.063.453 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 84.745.955 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.025.317.498 đồng.

2. Đề nghị ông T và bà L tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trong T hợp ông T và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB, đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà L để thu hồi nợ cho VIB.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà L được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với VIB. T hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm: Bà L đã chết năm 2019 nên Ngân hàng yêu cầu người thừa kế của bà L là ông T, anh T, chị H cùng trả nợ với ông T khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 158/HĐTD1-VIB32/12 ngày 07/5/2012; Khế ước nhận nợ số 158.02/KƯNN1-VIB32 ngày 07/11/2012.

Theo bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền L nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan khác là anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh T công nhận bố mẹ anh là ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng với VIB và đến nay bố mẹ anh còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi của hợp đồng tín dụng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Anh T đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bố anh là ông T, anh và chị H được trả nợ dần số tiền nợ nêu trên.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng, gia đình anh không đồng ý vì bố anh đã tất toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc, Ngân hàng không thể tiếp tục yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nợ lãi nêu trên.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản khác để thu hồi nợ: Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh T và gia đình cũng đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng và tự nguyện bán tài sản của gia đình để trả nợ cho Ngân hàng, hiện nay tài sản thế chấp cho khoản vay là không còn. Đối với yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát

mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ anh, ông T và chị H không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự các điều các điều 116, 117, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số số 158/HĐTD1-VIB32/12 ngày 07/5/2012; Khế ước nhận nợ số 158.02/KƯNN1-VIB32 ngày 07/11/2012 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2023 là: 1.110.063.453 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 84.745.955 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.025.317.498 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi ông T, anh T, chị H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà L để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng ký giữa VIB với ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L có mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cây cảnh các loại nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị L chết ngày 19/3/2019. Bố mẹ của bà Nguyễn Thị Lời đều đã chết. Do vậy, xác định ông Nguyễn Minh T, các con bà L là anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H thuộc hàng thừa kế thứ nhất là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng và bị đơn đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà L chết năm 2019 nên khoản nợ trên ông T và những người thừa kế của bà L là ông T, anh T, chị H phải có trách nhiệm trả nợ

cho Ngân hàng. Bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan thừa nhận số tiền nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là đúng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất phần nghĩa vụ của bà L sẽ do ông T, anh T, chị H thanh toán thay. Nên đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số số 158/HĐTD1-VIB32/12 ngày 07/5/2012; Khế ước nhận nợ số 158.02/KƯNN1-VIB32 ngày 07/11/2012 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2023 là: 1.110.063.453 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 84.745.955 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.025.317.498 đồng. Cụ thể: Ông T có trách nhiệm trả 555.031.725 đồng + 555.031.725 đồng/3= 555.031.725 đồng + 185.010.575 đồng = 740.042.300 đồng. Anh T, chị H mỗi người có trách nhiệm trả 185.010.575 đồng.

[4] Về yêu cầu ông T và bà L tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử xét, mặc dù trong Hợp đồng tín dụng có quy định về lãi phạt chậm trả lãi nhưng tại thời điểm ký hợp đồng thoả thuận này không phù hợp quy định của pháp luật, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

[5] Về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị L: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, năm 2020 được sự đồng ý của Ngân hàng, ông T cũng đã bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay không còn tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Sau này, nếu có căn cứ cho rằng ông T, bà L có tài sản, VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại theo quy định.

[6] Về án phí: Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc ông Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số số 158/HĐTD1-VIB32/12 ngày 07/5/2012 tính đến ngày 18/5/2023 là: 1.110.063.453 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 84.745.955 đồng;

nợ lãi quá hạn là 1.025.317.498 đồng. Cụ thể: Ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả 740.042.300 đồng; anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H mỗi người có trách nhiệm trả 185.010.575 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

4. Về lãi suất: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Minh T. Anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 9.250.529 (*chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn, năm trăm hai mươi chín*) đồng án dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 22.650.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tại biên lai thu số 0008519 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng